TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **398/2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thuỵ Uyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 617/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 686/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1978
Địa chỉ: 78/31/2 KH, Phường B, Quận X, TP. H.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971
Địa chỉ: 78/31/2 KH, Phường B, Quận X, TP. H.
Địa chỉ tạm trú: 88/30/10 NK, Phường H1, Quận X, TP. H.
(Bà M, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận X. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm trong hôn nhân và chồng bà thường hay say xỉn, kiếm chuyện làm phiền bà và cả gia đình bà. Sau này, tuy không còn rượu bia thì ông D vẫn thường hay gây sự khiến người dân xung quanh phản ánh và gây mất an ninh trật tự. Bà M nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông D không đạt được; tình cảm không còn. Bà M đề nghị Tòa án nhân dân Quận X, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D vì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bà sống ly thân nhiều năm nay.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/03/2003 (đã thành niên).

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Phạm Thị M xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường H1, Quận X thì ông Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại 78/31/2 KH, Phường B, Quận X, TP. H và thực tế có cư trú tại địa chỉ 88/30/10 NK, Phường H1, Quận X. Bị đơn đang thực tế cư trú Quận X, TP. H nên đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn liên tục vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phạm Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông Nguyễn Văn D không đến Tòa án tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, ông D đã từ chối quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung khởi kiện:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận X, Thành phố H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 128/2001 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận X, Thành phố H cấp ngày 09/11/2001*) nên hôn nhân giữa bà M và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Bà M xác nhận bà và ông D sống chung đến 2023, trong quá trình chung sống vợ chồng bà có mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm trong hôn nhân và chồng bà thường hay say xỉn, kiếm chuyện làm phiền bà và cả gia đình bà. Bà M nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông D không đạt được; tình cảm không còn. Nay, bà Phạm Thị M đề nghị Tòa án nhân dân Quận X giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa để tham dự phiên hòa giải nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của bà M, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà M và ông D đang sinh sống. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận X cho thấy: "Địa phương không nắm được thông tin gì về tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn D". Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của bà

M. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xung đột nhưng không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà M và ông D có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/03/2003 (*Giấy khai sinh số 76/2003, quyển số 01/F4 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận X, Thành phố H cấp ngày 26/3/2003*) – con chung đã thành niên.

[3.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Phạm Thị M xác nhận không có. Ông Nguyễn Văn D vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con chung: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/03/2003 (đã thành niên).

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Bà Phạm Thị M xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BLTU/23P/0034042 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Bà M đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh